

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 01 - 2018
V/v tranh chấp “Hôn nhân gia
đình - **Xin ly hôn**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Văn C** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đình P**

2. Ông **Võ Thái Q**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Bùi Văn Tr** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hữu Đ** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 282/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp “*Hôn nhân gia đình - Xin ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Đoàn Phước Ch**, sinh năm 1957.

Hộ khẩu đăng ký: ấp Tr 1, TT Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Tạm trú: ấp Phước H B, thị trấn Cù Lao D, huyện Cù Lao D, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1955.

Cùng trú tại: tổ 13, hẻm 30, ấp Tr 1, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Ông Ch có mặt, bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Căn cứ đơn khởi kiện, qua thu thập chứng cứ, nguyên đơn ông Đoàn Phước Ch trình bày: ông và bà D chung sống từ năm 1975 không có đăng ký kết hôn và cũng không có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau đời sống tình cảm ngày càng trầm trọng, cảm thấy vợ chồng không thể hàn gắn lại được, chính thức ly thân từ năm 2008 cho đến nay.

Nguyên nhân xin ly hôn với bà D là do bà D và các con hắt hủi không tôn

trọng ông, sống chung trong nhà với con ruột Đoàn Văn Ngh, Ngh và vợ Ngh thường xuyên đánh đập ông, bà D không rầy la con mà còn cùng con đánh ông, đuổi ông ra khỏi nhà sự việc xảy ra nhiều lần chính quyền địa phương đều biết, ông đi ra khỏi nhà từ năm 2008 đến nay. Nay yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Về con chung: Có 04 con chung tên Đoàn Hồng Ng, sinh năm 1976; Đoàn Thị L, sinh năm 1978; Đoàn Văn N, sinh năm 1980 (đã chết) và Đoàn Văn Ngh, sinh năm 1987 con chung hiện đã trưởng thành và lao động được.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà thống nhất phần trình bày của ông Ch về thời gian sống chung và ly thân. Nay ông Ch yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý ly hôn vì ông Ch có người phụ nữ khác bên ngoài nên về ly hôn với bà, ông Ch cho rằng bà đánh đập ông và xua đuổi ông ra khỏi nhà là không có, còn chuyện xảy ra xô xát giữa con dâu với ông Ch là có, nhưng bà không biết con dâu có đánh ông Ch hay không. Nay còn thương ông Ch không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất phần trình bày của ông Ch về con chung, con chung hiện đã trưởng thành và lao động được.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của ông Ch và bà D được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, Nhưng ông bà chung sống trước ngày 03/01/1987 (trước ngày Luật HN và GD 1987) nên được coi là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ly thân từ khi ly thân đến nay 10 năm không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông Ch là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung đã trưởng thành và tài sản ông bà đã thỏa thuận được do đó đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị D đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng bà vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết

định xét xử vắng mặt bà theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên và hiện nay bà D đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 13, hẻm 30, ấp Tr 1, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Nên ông Đoàn Phước Ch khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú T theo quy định tại Điều 28 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của ông bà được xác lập năm 1975 trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống, cha mẹ hai bên đồng ý, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của ông, bà là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận và bảo vệ khi có mâu thuẫn xảy ra, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cự cãi và ông Ch bị ngược đãi dẫn đến xung đột giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và chính thức ly thân từ năm 2008 đến nay, thời gian ly thân dài bà D không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này phù hợp lời trình bày của chị Phạm Thị Kiều H (phó ban tư tự quản ấp Tr 1), và bà Đoàn Thị Ngọc D (người họ hàng lân cận gia đình ông Ch bà D) nên ông Ch yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Có 4 con chung tên Đoàn Hồng Ng, sinh năm 1976; Đoàn Thị L, sinh năm 1978; Đoàn Văn N, sinh năm 1980 (đã chết) và Đoàn Văn Ngh, sinh năm 1987 đã trưởng thành và lao động được, các bên không tranh chấp nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông Ch, bà D phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3]Về án phí: ông Ch là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật, ông đã hơn 60 tuổi nếu ông có đơn xin miễn giảm thì được HĐXX xem xét, nhưng ông không có đơn nên không đủ điều kiện xác định ông có khó khăn theo Luật người Cao tuổi và theo hướng dẫn của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do đó ông phải chịu án phí theo quy định, bà D không phải chịu án phí.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;
 - Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;
 - Căn cứ Điều 26, Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đoàn Phước Ch đối với bà Nguyễn Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Đoàn Phước Ch được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

- Về quan hệ con chung, tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đoàn Phước Ch phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016195 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà D được quyền kháng cáo kể từ khi tổng đạt, niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh An Giang;
 -Chi cục THADS huyện PT;
 -VKSND huyện PT;
 -Các đương sự;
 -Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn C